

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN II

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ CÔNG NHẬN
ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA ĐỐI VỚI TRƯỜNG TRUNG HỌC
CƠ SỞ, TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ
TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ NHIỀU CẤP HỌC

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên trung học)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NHÓM BIÊN SOẠN

1. PGS.TS. Lê Đức Ngọc
2. ThS. Ngọc Côn Cương
3. ThS. Nguyễn Như Minh
4. TS. Hà Minh Tâm
5. TS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Mục lục

Lời nói đầu	7
Phần I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG	11
I. Chất lượng giáo dục và quản lí chất lượng giáo dục	11
1. Chất lượng giáo dục	11
2. Quản lí chất lượng giáo dục	14
II. Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia	19
1. Kiểm định chất lượng giáo dục	19
2. Mục tiêu, nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học	20
3. Mối quan hệ giữa kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia	21
4. Quy trình, chu kì kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học	21
Phần II. BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG TRUNG HỌC	23
I. Cấu trúc	23
II. Cách đánh giá	24
Phần III. HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH NỘI HÀM, GỢI Ý TÌM MINH CHỨNG THEO TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG HỌC	29
I. Hướng dẫn chung	29
II. Hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng của chỉ báo, tiêu chí	30
A. Đối với Mức 1, Mức 2 và Mức 3	30
B. Đối với Mức 4	87
C. Cách xác định nội hàm, phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho tiêu chí	91

1. Cách xác định nội hàm, phân tích tiêu chí	91
2. Kỹ thuật thu thập, xử lý, sử dụng minh chứng, lưu trữ và bảo quản minh chứng	92
Phần IV. HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG TRUNG HỌC	96
I. Tự đánh giá	96
II. Quy trình tự đánh giá	97
III. Kỹ thuật viết Phiếu đánh giá tiêu chí	98
1. Mục đích, yêu cầu của Phiếu đánh giá tiêu chí	98
2. Nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí	98
3. Kỹ thuật viết Phiếu đánh giá tiêu chí	98
IV. Hướng dẫn viết báo cáo tự đánh giá	108
1. Mục đích, yêu cầu	108
2. Cấu trúc báo cáo tự đánh giá	109
3. Cách viết báo cáo tự đánh giá	109
4. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá	110
V. Một số lỗi thường gặp khi triển khai tự đánh giá	110
1. Mô tả hiện trạng	110
2. Điểm mạnh	110
3. Điểm yếu	110
4. Kế hoạch cải tiến chất lượng	111
5. Tự đánh giá	111
6. Sử dụng minh chứng	111
7. Dùng từ, diễn đạt, thể thức văn bản trong báo cáo tự đánh giá	111
8. Số liệu trong báo cáo tự đánh giá	111
9. Thực hiện không đúng quy trình tự đánh giá	111
VI. Lưu trữ hồ sơ	111
1. Các loại hồ sơ cần lưu trữ	111
2. Thời hạn bảo quản, lưu trữ và sử dụng hồ sơ	112
3. Cách lưu trữ hồ sơ	112
VII. Một số ví dụ tham khảo	112
1. Một số ví dụ về viết Phiếu xác định nội hàm, phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho tiêu chí	112
2. Một số ví dụ về viết Phiếu đánh giá tiêu chí	119

Phần V. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NGOÀI TRƯỜNG TRUNG HỌC	128
I. Khái niệm đánh giá ngoài	128
II. Quy trình đánh giá ngoài	128
III. Kỹ thuật viết Phiếu đánh giá tiêu chí	128
1. Nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí	128
2. Kỹ thuật viết Phiếu đánh giá tiêu chí (viết khi nghiên cứu hồ sơ)	129
IV. Kỹ thuật viết báo cáo đánh giá ngoài	130
1. Tư liệu để viết báo cáo đánh giá ngoài	130
2. Trách nhiệm viết báo cáo đánh giá ngoài	131
3. Kỹ thuật viết báo cáo đánh giá ngoài	131
V. Một số lỗi thường gặp khi triển khai đánh giá ngoài	132
VI. Lưu trữ hồ sơ đánh giá ngoài	132
1. Hồ sơ lưu trữ	132
2. Thời hạn bảo quản, lưu trữ và sử dụng hồ sơ	133
3. Cách lưu trữ hồ sơ	133
VII. Một số ví dụ tham khảo	133
 Phần VI. MỘT SỐ KỸ THUẬT, TÌNH HUỐNG TRONG ĐÁNH GIÁ	 139
I. Kỹ thuật quan sát và phỏng vấn	139
1. Kỹ thuật quan sát	139
2. Kỹ thuật phỏng vấn	140
II. Một số tình huống hỏi – đáp	143
 PHỤ LỤC	 148
 TÀI LIỆU THAM KHẢO	 246

Quy ước viết tắt dùng trong sách

KĐCLGD Kiểm định chất lượng giáo dục

THCS Trung học cơ sở

THPT Trung học phổ thông

Lời nói đầu

Tại Việt Nam, chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) đang là những vấn đề được Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm.

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định KĐCLGD là một trong các nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục. Quy định về công tác KĐCLGD các cấp học, bậc học đã được đưa vào Luật Giáo dục (2005, 2009 và 2019) và nghị định của Chính phủ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và hướng dẫn về KĐCLGD để các địa phương thực hiện. Các văn bản được sửa đổi, bổ sung kịp thời, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo và thực tiễn triển khai ở các địa phương. Đặc biệt, năm học 2018 – 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các thông tư tích hợp quy định về KĐCLGD và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia¹. Việc thống nhất một bộ tiêu chuẩn đánh giá, một quy trình đánh giá đã tạo nhiều thuận lợi cho các cơ sở giáo dục thực hiện cùng một lúc hai hoạt động, góp phần làm giảm các thủ tục hành chính trong công tác quản lý; giảm công sức, thời gian và chi phí khi triển khai thực hiện công tác KĐCLGD và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

KĐCLGD được xác định là một trong các giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng giáo dục. Trong những năm gần đây, công tác này liên tục được đổi mới và đã phát huy hiệu quả, góp phần duy trì việc đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục các nhà trường. Các cấp quản lý giáo dục, các nhà trường được tiếp cận với mô hình quản lý hiện đại, tiên tiến. Qua tự đánh giá, đánh giá ngoài, nhiều nhà trường đã thấy được hiện trạng chất lượng, điểm mạnh, điểm yếu và đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sát thực và hiệu quả hơn. KĐCLGD từng bước làm thay đổi cách nhìn nhận về công tác quản lý và chỉ đạo, tăng cường năng lực quản lý nhà trường và quản lý dạy, học.

Cùng với hoạt động xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đẩy mạnh công tác KĐCLGD đã trở thành một chủ trương đúng đắn, được các nhà trường và xã hội

¹ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT.

đón nhận. Kết quả thực hiện công tác KĐCLGD và xây dựng trường chuẩn quốc gia đã tạo diện mạo mới, vị thế mới, có sự chuyển biến tích cực, rõ nét, giúp nâng cao chất lượng giáo dục trong các nhà trường, mang lại lợi ích thiết thực cho học sinh. Văn hoá chất lượng từng bước hình thành trong các nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và đạt KĐCLGD; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và các lực lượng xã hội đã có ý thức trách nhiệm cao hơn để cùng xây dựng nhà trường ngày một tốt hơn về mọi mặt.

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trên nhưng xét về tổng thể vẫn còn một số hạn chế. Nguyên nhân chính là kĩ năng của cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác KĐCLGD còn hạn chế, chưa có tài liệu hướng dẫn chi tiết, cụ thể. Vì vậy, việc biên soạn tài liệu hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên trung học về công tác KĐCLGD và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia là thiết thực và cần thiết.

Để đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về việc có cuốn sổ tay hướng dẫn về nghiệp vụ công tác KĐCLGD, cuốn “Sổ tay hướng dẫn kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học” (sau đây gọi tắt là Sổ tay) được xây dựng và ban hành.

Cuốn Sổ tay được biên soạn trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; về bộ tiêu chuẩn đánh giá, quy trình và chu kỳ KĐCLGD được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT); cách đánh giá và các biểu mẫu áp dụng theo Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong tài liệu này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới tại các nội dung tương ứng. Sổ tay bao gồm các chuyên đề có tính khái quát về đảm bảo chất lượng và KĐCLGD, đồng thời cung cấp những nội dung chuyên sâu về hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường THCS, trường THPT và trường trường phổ thông có nhiều cấp học để giúp nâng cao kĩ thuật và nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác KĐCLGD, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia ở trường trung học được thuận lợi, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Sổ tay được cấu trúc gồm 06 phần:

Phần I. Một số vấn đề chung

Nội dung giới thiệu về chất lượng giáo dục, quản lí chất lượng giáo dục trên phương diện về quan điểm, khái niệm, mô hình quản lí chất lượng cơ sở giáo dục; KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học.

Phần II. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học

Nội dung giới thiệu Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phần III. Hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung học

Nội dung hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng theo từng chỉ báo, tiêu chí và gợi ý thu thập minh chứng cho các tiêu chí, để các trường trung học tham khảo khi triển khai tự đánh giá.

Phần IV. Hướng dẫn tự đánh giá trường trung học

Nội dung hướng dẫn quy trình tự đánh giá, kĩ thuật viết phiếu đánh giá tiêu chí và viết báo cáo tự đánh giá. Đồng thời chỉ ra một số lỗi thường gặp khi triển khai tự đánh giá để các trường trung học tham khảo, rút kinh nghiệm.

Phần V. Hướng dẫn đánh giá ngoài trường trung học

Nội dung hướng dẫn quy trình đánh giá ngoài; kĩ thuật viết phiếu đánh giá tiêu chí và viết báo cáo đánh giá ngoài. Đồng thời cũng chỉ ra một số lỗi thường gặp khi triển khai đánh giá ngoài để các đoàn đánh giá ngoài tham khảo, rút kinh nghiệm.

Phần VI. Một số kĩ thuật, tình huống trong đánh giá

Nội dung giới thiệu kĩ thuật quan sát, phỏng vấn và một số tình huống hỏi – đáp trong việc thực hiện KĐCLGD.

Tài liệu có tham khảo một số công trình khoa học, các tài liệu nghiên cứu, triển khai về KĐCLGD và công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia của một số tổ chức, cá nhân. Nhóm biên soạn xin trân trọng cảm ơn các tổ chức, cá nhân có liên quan đã cung cấp những thông tin hữu ích để nhóm biên soạn hoàn thành cuốn Sổ tay.

Kèm theo cuốn Sổ tay là một số video minh họa hình ảnh cụ thể về cơ sở vật chất, thiết bị, đáp ứng nội hàm các tiêu chí thuộc Tiêu chuẩn 3 (Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT), giúp các trường trung học thực hiện tự đánh giá chính xác, hiệu quả và đảm bảo theo quy định. (Tham khảo tại website: <https://kiemdinhtrunghoc.edu.vn>)

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng nội dung tài liệu không tránh khỏi những hạn chế cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các nhà giáo để các tác giả tiếp tục hoàn thiện tài liệu này, phục vụ tốt hơn cho công tác KĐCLGD trường trung học.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM BIÊN SOẠN

Phần I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

I. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Chất lượng giáo dục

a) Một số quan điểm tiếp cận về chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục là vấn đề luôn được xã hội quan tâm vì tầm quan trọng của nó đối với sự nghiệp phát triển đất nước nói chung và phát triển giáo dục nói riêng. Mọi hoạt động giáo dục được thực hiện đều hướng tới mục đích góp phần đảm bảo, nâng cao chất lượng giáo dục. Nền giáo dục ở bất kì quốc gia nào cũng đều phải phấn đấu để trở thành một nền giáo dục chất lượng cao. Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về chất lượng và chất lượng giáo dục. Dưới đây là một số quan điểm khá phổ biến:

Có quan điểm cho rằng: Chất lượng của một trường phụ thuộc vào “đầu vào” của trường đó. Một trường tuyển được học sinh chất lượng tốt, có đội ngũ giáo viên, nhân viên giỏi và uy tín, có nguồn tài chính dồi dào, các lớp học được trang bị đầy đủ, thư viện, phòng thí nghiệm, các thiết bị dạy học hiện đại và tốt nhất, được xem là trường có chất lượng cao.

Quan điểm khác thì cho rằng “đầu ra” có tầm quan trọng hơn nhiều so với “đầu vào” của quá trình giáo dục. “Đầu ra” chính là sản phẩm của giáo dục được thể hiện bằng chất lượng, phẩm chất và năng lực của học sinh khi ra trường hay khả năng cung cấp các hoạt động giáo dục của trường đó.

Một số người lại chủ trương đánh giá chất lượng thông qua “Giá trị gia tăng”. “Giá trị gia tăng” được xác định bằng sự chênh lệch của giá trị “đầu ra” và giá trị “đầu vào”. Kết quả thu được chính là mức độ chất lượng giáo dục của nhà trường.

Theo quan điểm truyền thống của phương Tây thì chất lượng được đánh giá bằng năng lực học thuật và tay nghề của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Trường nào có đội ngũ giáo viên giỏi, có uy tín khoa học và tay nghề cao thì được xem là trường có chất lượng cao.

Có người lại cho rằng: Một trường được đánh giá là có chất lượng khi nó có được “Văn hoá tổ chức” riêng với nét đặc trưng quan trọng là không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

Có ý kiến đề nghị phải xem trọng quá trình hoạt động có chất lượng bên trong trường và nguồn thông tin cung cấp cho việc ra quyết định. Đó là quan niệm chất lượng được đánh giá bằng “Kiểm toán”. Theo đó, nếu một cá nhân có đủ thông tin cần thiết thì có thể có được các quyết định chính xác và chất lượng giáo dục được đánh giá qua quá trình thực hiện, còn “đầu vào” và “đầu ra” chỉ là các yếu tố phụ.

Quan điểm khác về chất lượng và chất lượng giáo dục cũng được nhiều người quan tâm đó là “Chất lượng là sự hoàn hảo nhất quán”: Đảm bảo mọi thứ đều đúng, không có sai sót và phải hoàn hảo nhất quán (Châm ngôn: Khiếm khuyết bằng không và làm mọi việc đúng ngay từ đầu).

Có quan niệm lại cho rằng “Chất lượng là sự vượt trội”: Chất lượng là sự nổi trội, xuất sắc; là việc đạt được một số tiêu chuẩn chất lượng đã đặt ra.

Còn nhiều quan điểm khác nhau từ nhiều góc độ như tâm lí học giáo dục, lí luận dạy học, quản lí giáo dục. Tuy nhiên, tựu chung lại, tất cả đều có cùng một quan điểm: “Chất lượng là sự đáp ứng mục tiêu”. Nghĩa là, một nhà trường được đánh giá là đạt tiêu chuẩn chất lượng khi hoàn thành mục tiêu giáo dục theo các quy định chung. Mặc dù vậy, mỗi nhà trường ở các cấp học, ngành học, các loại hình và các vùng miền có sứ mệnh khác nhau. Sứ mệnh khác nhau dẫn đến yêu cầu khác nhau và mục tiêu của các nhà trường cũng khác nhau. Nhiệm vụ của nhà trường là phải xác định được sứ mệnh và mục tiêu cho chính mình; sứ mệnh và mục tiêu đó phải phù hợp với yêu cầu của xã hội và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương. Một nhà trường được đánh giá là đạt chất lượng khi nó hoàn thành được sứ mệnh, mục tiêu của chính nhà trường đó.

Sản phẩm của quá trình giáo dục – đào tạo là con người với tổng hoà những chuẩn mực về nhân cách, trình độ, kĩ năng, đạo đức,... hết sức đa dạng, phức tạp và luôn biến động, phát triển. Tuy người học có chung chế độ xã hội, thể chế chính trị, môi trường giáo dục (thậm chí học chung một trường, một lớp) nhưng sự phát triển nhân cách của họ hoàn toàn khác nhau vì động cơ, thái độ, năng lực, bản lĩnh, điều kiện của họ khác nhau.

b) Quan điểm về chất lượng giáo dục của Việt Nam

Chất lượng giáo dục không chỉ hướng đến chất lượng sản phẩm giáo dục (kết quả “đầu ra” là phẩm chất và năng lực người học) mà còn quan tâm đến

chất lượng của cả “đầu vào” (các điều kiện đảm bảo chất lượng) và quá trình giáo dục (quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục).

Quan điểm về chất lượng giáo dục của Việt Nam: *Chất lượng là sự đáp ứng mục tiêu (mục tiêu của cơ sở giáo dục, mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục), đạt được các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và đảm bảo phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.*

Chất lượng giáo dục trường trung học là sự đáp ứng mục tiêu của trường trung học, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu của Luật Giáo dục, phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và cả nước².

Chất lượng và hiệu quả giáo dục được đánh giá trên các cấp độ khác nhau (cấp độ cá nhân người học, cấp độ nhà trường, cấp độ ngành giáo dục) và đáp ứng mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục. Mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Điều 2 và Điều 29, Luật Giáo dục 2019, cụ thể:

– “Giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

– “Giáo dục THCS nhằm củng cố và phát triển kết quả của giáo dục tiểu học; đảm bảo cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp”.

– “Giáo dục THPT nhằm trang bị kiến thức công dân; đảm bảo cho học sinh củng cố, phát triển kết quả của giáo dục THCS, hoàn thiện học vấn phổ thông và có hiểu biết thông thường về kỹ thuật, hướng nghiệp; có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

– Chương trình giáo dục phổ thông cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả

² Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định về KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông nhiều cấp học.

kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

– Chương trình giáo dục THCS giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã hình thành và phát triển ở cấp Tiểu học, từ đó, điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kĩ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức định hướng nghề nghiệp để tiếp tục học lên THPT hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, học tập và sinh hoạt.

– Chương trình giáo dục THPT giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân; khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia cuộc sống lao động; khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.

Từ mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, xã hội đã đặt ra những yêu cầu về chất lượng giáo dục và đòi hỏi ngành giáo dục phải đáp ứng. Một nhà trường chỉ được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng khi đáp ứng được yêu cầu của xã hội và các mục tiêu theo quy định.

Như vậy, một cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá là đạt chất lượng khi hoàn thành được các mục tiêu giáo dục theo quy định tại Luật Giáo dục và các quy định hiện hành; đáp ứng các mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của chính nhà trường đó.

Để thực hiện được sứ mệnh, mục tiêu của mình, vai trò của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và KĐCLGD rất quan trọng. Đây cũng là những hoạt động của chính nhà trường nhằm hướng tới việc đảm bảo các điều kiện, các cơ chế, quy trình và quá trình được sắp xếp hợp lí nhất để đạt được chất lượng giáo dục.

2. Quản lí chất lượng giáo dục

2.1. Khái niệm quản lí chất lượng giáo dục

– **Quản lí chất lượng:** Có nhiều quan niệm về quản lí chất lượng. Mỗi quan niệm thể hiện theo một cách riêng, nhưng chung quy lại đều cho rằng quản lí

chất lượng là hệ thống các quy trình nhằm đảm bảo chất lượng cho toàn hệ thống, thỏa mãn nhu cầu khách hàng với chi phí thấp nhất, có hiệu quả kinh tế cao nhất, được tiến hành trong tất cả các giai đoạn từ thiết kế, sản xuất, vận hành cho đến phân phối, sử dụng sản phẩm.

– **Quản lý chất lượng giáo dục:** Có nhiều quan niệm khác nhau về quản lý chất lượng giáo dục, trong đó có một số tác giả cho rằng quản lý chất lượng trong giáo dục thực chất bao gồm các hoạt động được tiến hành đồng thời liên tục thông qua một hệ thống quản lý, đó là: thiết lập chuẩn, đối chiếu thực trạng so với chuẩn, xây dựng các biện pháp nâng thực trạng ngang chuẩn. Ba hoạt động này được tiến hành đồng thời, liên tục thông qua một hệ thống quản lý chất lượng.

Vậy quản lý chất lượng trong giáo dục là vận hành một hệ thống quản lý trên cơ sở thiết lập bộ chuẩn và quy trình thực hiện nhằm tác động vào các điều kiện đảm bảo chất lượng trong suốt quá trình giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường.

2.2. Các cấp độ quản lý chất lượng

Theo Sallis (1993), có ba cấp độ của quản lý chất lượng là: Kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng tổng thể. Các cấp độ kế thừa từ thấp lên cao hơn, cấp độ sau chứa những yếu tố của cấp độ trước. Mỗi quan hệ giữa ba cấp độ trên rất linh hoạt, đan xen và đều có thể áp dụng trong quản lý chất lượng tại các trường trung học, cụ thể:

Kiểm soát chất lượng giáo dục (Quality Control of education): Kiểm soát chất lượng trong giáo dục là cách quản lý thông dụng nhất của giáo dục và có lịch sử lâu đời nhất (Sallis, 1993). Kiểm soát chất lượng giáo dục bao gồm việc kiểm tra sản phẩm giáo dục ở đầu ra (học sinh tốt nghiệp) để xác định được những vấn đề tồn tại và yếu kém của giáo dục. Đây là một hoạt động được thực hiện sau khi các hoạt động giáo dục đã kết thúc. Các hoạt động thanh tra, giám sát, các kì thi, kiểm tra kiến thức, các báo cáo hằng năm đều có thể xem là các hoạt động kiểm soát chất lượng giáo dục (Preedy, Glatter và Levacic, 1997)³.

Tuy nhiên, mô hình kiểm soát chất lượng bộc lộ nhiều hạn chế, không thể kiểm soát được đầu vào, quá trình giáo dục trong một nhà trường, để điều chỉnh và cải tiến chất lượng giáo dục.

³ Edward Sallis (2002), Total quality management in education, Third edition, USA.

Đảm bảo chất lượng giáo dục (*Quality Assurance of education*): Đảm bảo chất lượng giáo dục là mô hình quản lý và giám sát chất lượng ngay từ trước và trong quá trình giáo dục nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục sẽ đạt theo thiết kế và tránh những sai sót trong giáo dục. Chất lượng được đảm bảo thông qua việc đáp ứng các chuẩn mực quy định, cụ thể: các chuẩn mực về đầu vào, chuẩn mực về quá trình giáo dục và chuẩn mực đầu ra. Trong nhà trường cần thiết lập một số chuẩn mực và triển khai thực hiện để đạt được các chuẩn mực đó, sau đó lại thiết lập một số chuẩn mực cao hơn và phấn đấu để tiếp tục đạt được. Quá trình này tạo điều kiện cho các trường nâng cao tiềm lực của mình và hình thành chất lượng ngay trong quá trình giáo dục.

Trong giáo dục phổ thông, đảm bảo chất lượng được thực hiện bởi một hệ thống các biện pháp như: thi tuyển đầu vào, các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì trong suốt năm học,...

Quản lý chất lượng tổng thể trong giáo dục (*Total Quality Management of education – TQM*): Thuật ngữ “Quản lý chất lượng tổng thể” được A.V.Feigenbaum sử dụng từ đầu những năm 50 của thế kỉ XX.

Mô hình TMQ gần đây được áp dụng cho giáo dục trên cơ sở mở rộng và phát triển mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục. TMQ nhằm tạo ra một nền văn hoá chất lượng, trong đó mỗi thành viên của cơ sở giáo dục đều cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu của người học và các yêu cầu đòi hỏi của xã hội.

TMQ là quản lý chất lượng ở mọi công đoạn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

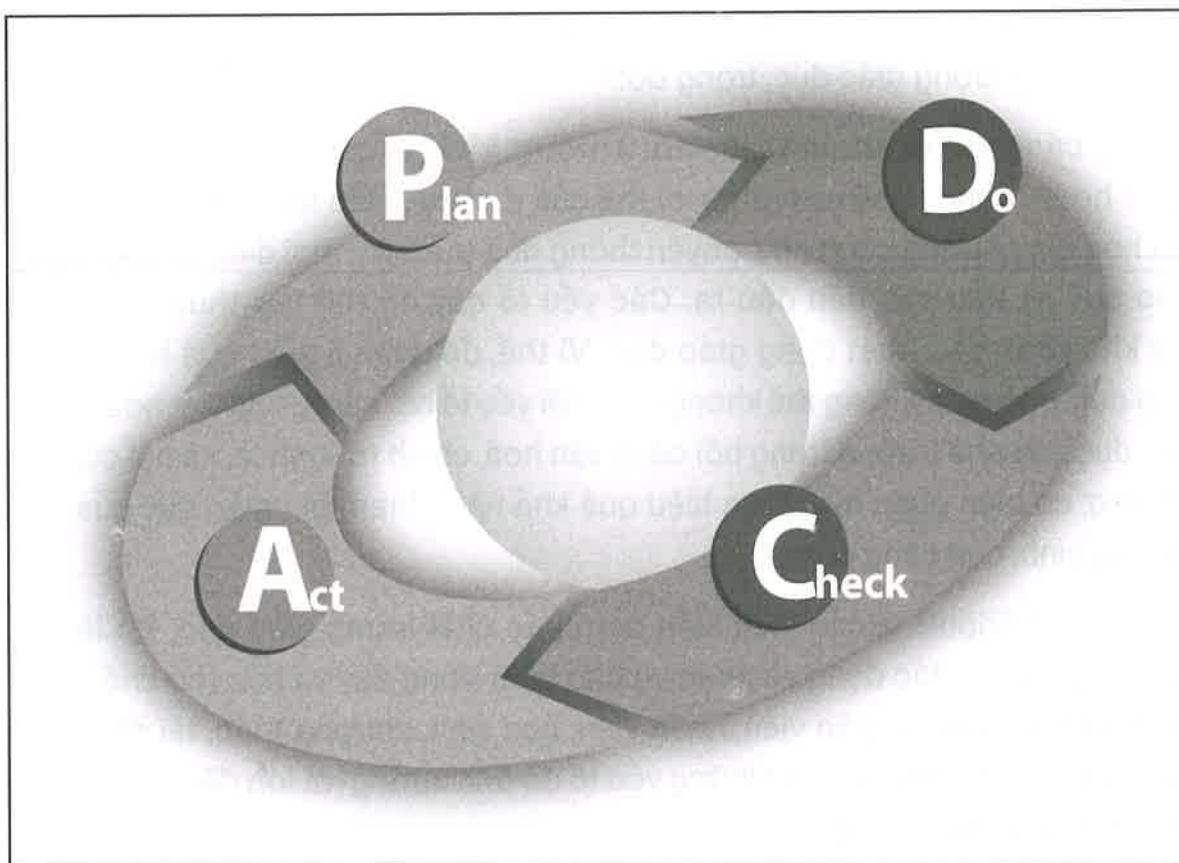
Cụ thể hơn, quản lý chất lượng tổng thể (TQM) là:

- T (đồng bộ, toàn diện, tổng hợp): Tất cả các công việc trong chu trình, mỗi người đều có vai trò nhất định, với yêu cầu chất lượng cao. Nó coi trọng sự cam kết và tham gia của mọi thành viên trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Q (chất lượng): Chất lượng được thể hiện ở kết quả “đầu ra”, đó chính là sự đáp ứng mục tiêu đặt ra và nhà trường không ngừng cải tiến chất lượng, hình thành và phát triển văn hoá nhà trường.

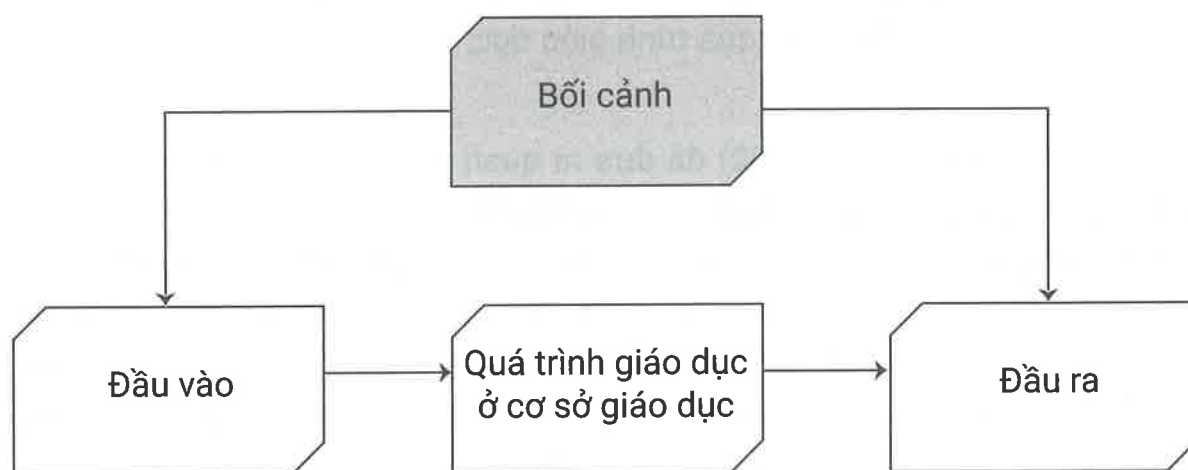
- M (quản lý): Quản lý có hiệu quả mọi giai đoạn của công việc từ lập kế hoạch (Plan – P), tổ chức thực hiện (Check – C), chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá (ACT – A), trên cơ sở sử dụng vòng tròn quản lý P–D–C–A.

Có thể thấy mối quan hệ của các yếu tố đó trong sơ đồ sau:



2.3. Mô hình quản lí chất lượng cơ sở giáo dục

Nhiều nhà nghiên cứu giáo dục đã đưa ra những mô hình giáo dục khác nhau, qua đó hình thành các mô hình đánh giá khác nhau. Mô hình cơ bản nhất được trình bày dưới đây chú trọng đến mối quan hệ giữa các hoạt động của cơ sở giáo dục với các bối cảnh kinh tế – xã hội. Nó xem xét sản phẩm giáo dục trong mối quan hệ tổng hoà giữa các yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra.



Trong sơ đồ trên, bốn thành tố cơ bản có tác động qua lại lẫn nhau để cùng tạo nên chất lượng giáo dục, trong đó:

Bối cảnh (background) là môi trường kinh tế – xã hội, môi trường khoa học – công nghệ và những xu thế của thời đại, điều kiện, hoàn cảnh, nền văn hoá địa phương cũng như truyền thống nhà trường – nơi diễn ra hoạt động giáo dục từ đầu vào đến đầu ra. Các yếu tố này có thể tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn cho hoạt động giáo dục. Vì thế, để quản lý hiệu quả hoạt động giáo dục, chúng ta không thể không lưu ý tới yếu tố bối cảnh. Cần đặt hoạt động giáo dục của nhà trường trong bối cảnh văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương; có biện pháp huy động hiệu quả khả năng tham gia giáo dục của cha mẹ học sinh, của cộng đồng.

Đầu vào (input) là các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục. Đó là các yếu tố nguồn lực tác động và phục vụ cho hoạt động dạy và học (cơ chế chính sách; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh; chương trình, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị,...). Những yếu tố đó ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

Quá trình giáo dục (process) tại trường trung học bao gồm: hoạt động quản lý, hoạt động dạy học/giáo dục; hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt của học sinh và các hoạt động liên quan khác.

Đầu ra (outcome, output) chính là kết quả giáo dục của nhà trường, bao gồm: sự phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho học sinh vào cấp học cao hơn... Những yếu tố đó phải đáp ứng mục tiêu giáo dục và yêu cầu của xã hội.

Sản phẩm giáo dục của một nhà trường được xét trong mối quan hệ tổng hoà giữa các yếu tố đầu vào, quá trình giáo dục, đầu ra và được đặt trong bối cảnh cụ thể.

Silva Roncelli-Vaupot (2000) đã đưa ra quan niệm: Hệ thống quản lý chất lượng giáo dục (Quality management systems) là hệ thống nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục thông qua việc sử dụng những quá trình thích hợp để quản lý và giám sát những người thực hiện (giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên và cả người học). Mục đích của nó là để hoà nhập quá trình giáo dục với cơ chế thích hợp để đảm bảo chất lượng trong từng công đoạn của quá trình giáo dục. Quá trình giáo dục được lập kế hoạch cụ thể, chất lượng sản phẩm giáo dục được

thiết kế trước nhằm đạt được mục tiêu đề ra (chuẩn đầu ra), hệ thống giáo dục được định kì rà soát, kiểm tra.

Ngoài việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, chất lượng tuyển sinh thì những vấn đề khác như: chất lượng và hiệu quả của các quá trình quản lí, giáo dục; động lực của những người tham gia thực hiện,... cũng cần được quan tâm đúng mức. Những trường có cùng điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, chất lượng tuyển sinh thì trường nào thực hiện có chất lượng và hiệu quả các quá trình quản lí, giáo dục và biết phát huy động lực của những người tham gia sẽ có được sản phẩm giáo dục với chất lượng tốt hơn.

Quản lí chất lượng giáo dục ở Việt Nam hiện nay được thực hiện trên cơ sở tham khảo mô hình quản lí chất lượng giáo dục của Silva Roncelli-Vaupot và các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Chất lượng giáo dục ở Việt Nam không chỉ quan tâm đến chất lượng sản phẩm giáo dục (kết quả “đầu ra” là phẩm chất người học) mà còn quan tâm đến chất lượng của cả “đầu vào” (các điều kiện đảm bảo chất lượng), quá trình giáo dục (quản lí và tổ chức các hoạt động giáo dục) và bối cảnh giáo dục.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục được đánh giá trên các cấp độ khác nhau (cấp độ cá nhân người học, cấp độ nhà trường, cấp độ ngành giáo dục).

II. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Trong Sổ tay này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kiểm định chất lượng giáo dục

KĐCLGD là hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành⁴.

KĐCLGD trường trung học là hoạt động đánh giá (bao gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài) và công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

⁴Luật Giáo dục 2019.

*Tự đánh giá*⁵ là quá trình trường trung học dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác của nhà trường để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn đánh giá trường trung học.

Đánh giá ngoài là quá trình khảo sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước đối với trường trung học để xác định mức đạt được tiêu chuẩn đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chất lượng giáo dục trường trung học là sự đáp ứng mục tiêu của trường trung học, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục, phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và cả nước.

Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học là các yêu cầu đối với trường trung học nhằm đảm bảo chất lượng các hoạt động. Mỗi tiêu chuẩn ứng với một lĩnh vực hoạt động của trường trung học; trong mỗi tiêu chuẩn có các tiêu chí. Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học có 4 mức (từ Mức 1 đến Mức 4) với yêu cầu tăng dần. Trong đó, mức sau bao gồm các yêu cầu của mức trước và bổ sung các yêu cầu nâng cao.

Tiêu chí đánh giá trường trung học là yêu cầu đối với trường trung học trong một nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí có các chỉ báo.

Chỉ báo đánh giá trường trung học là yêu cầu đối với trường trung học trong một nội dung cụ thể của mỗi tiêu chí.

2. Mục tiêu, nguyên tắc của kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học

Mục tiêu KĐCLGD trường trung học: (i) Đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục; (ii) Xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn; (iii) Làm căn cứ để cơ sở giáo dục giải trình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các bên liên quan và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; (iv) Làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục.

Nguyên tắc KĐCLGD trường trung học: (i) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật; (ii) Trung thực, công khai, minh bạch; (iii) Bình đẳng, bắt buộc, định kì.

Công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều

⁵ Khái niệm “tự đánh giá”, “đánh giá ngoài”, “chất lượng giáo dục trường trung học”, “tiêu chuẩn đánh giá trường trung học”... theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định về KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

kiện đảm bảo cho trường trung học không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

3. Mối quan hệ giữa kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia

Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia khác nhau về quan điểm tiếp cận nhưng cùng giống nhau ở mục đích là giúp “nâng cao chất lượng giáo dục”.

3.1. Quan điểm tiếp cận của đạt chuẩn quốc gia: Chất lượng là sự nhất quán hoàn hảo. Ví dụ: Một trường trung học ở vùng thuận lợi và một trường trung học ở vùng khó khăn, muốn đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 thì cần phải đáp ứng tất cả các tiêu chí, tiêu chuẩn giống nhau ở các lĩnh vực (chú trọng các tiêu chí liên quan tới cơ sở vật chất).

3.2. Quan điểm tiếp cận của đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Chất lượng là sự đáp ứng mục tiêu, đáp ứng sứ mệnh của từng trường. Mỗi trường có một sứ mệnh riêng, một mục tiêu riêng. Yêu cầu đối với các trường ở các vùng, miền cũng khác nhau.

4. Quy trình, chu kì kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học

4.1. Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học

Quy trình KĐCLGD và quy trình công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học được thực hiện theo các bước:



Trong ba bước trên, tự đánh giá và đánh giá ngoài có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của nhà trường. Thông qua hai hoạt động này, cơ sở giáo dục xác định được chính xác thực trạng chất lượng của mình, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng có tính khả thi và thực hiện các biện pháp đó để nâng cao chất lượng một cách liên tục.

4.2. Chu kì kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia

– Chu kì KĐCLGD và thời hạn công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học là 05 năm.

– Trường trung học được công nhận đạt KĐCLGD theo quy định tại khoản 2, Điều 34 của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau ít nhất 02 năm kể từ ngày được công nhận, được đăng kí đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt KĐCLGD ở cấp độ cao hơn.

– Trường trung học được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, sau ít nhất 02 năm kể từ ngày được công nhận, được đăng kí đánh giá ngoài và đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ cao hơn.

Phần II

BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG HỌC

I. CẤU TRÚC

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được quy định trong Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo quy định, các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục phải bao quát tất cả các yêu cầu đối với một cơ sở giáo dục trong việc không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục.

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm 04 mức:

- Mức 1: Gồm 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và 84 chỉ báo.
- Mức 2: Gồm 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và 45 chỉ báo.
- Mức 3: Gồm 5 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí và 25 chỉ báo.
- Mức 4: Gồm 6 tiêu chí.

Cụ thể như sau:

Các mức đánh giá	Tên tiêu chuẩn (Theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT)	Số lượng tiêu chí	Số lượng chỉ báo
Mức 1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	10	30
	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	4	12
	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	6	18
	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	2	6
	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	6	18

Các mức đánh giá	Tên tiêu chuẩn (Theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT)	Số lượng tiêu chí	Số lượng chỉ báo
Mức 2	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lí nhà trường	10	14
	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh	4	8
	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	6	10
	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	2	3
	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	6	10
Mức 3	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lí nhà trường	5	7
	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh	4	6
	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	5	5
	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	4	5
Mức 4	Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học Mức 4	6	
TỔNG		82	154

II. CÁCH ĐÁNH GIÁ

Không đánh giá theo tiêu chuẩn mà đánh giá theo tiêu chí, chỉ báo và các mức.

Đánh giá theo 04 Mức (từ Mức 1 đến Mức 4) theo thứ tự tăng dần, mức sau yêu cầu cao hơn mức trước (Quy định tại Điều 6 Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trường được đánh giá đạt Mức 1 khi tất cả các tiêu chí trong Mức 1 đạt yêu cầu. Tiêu chí được đánh giá đạt khi tất cả các chỉ báo trong tiêu chí đạt. Chỉ báo được đánh giá đạt khi tất cả các yêu cầu của chỉ báo đều đạt.

Trường được đánh giá đạt Mức 2 khi tất cả các tiêu chí Mức 1 và Mức 2 đều đạt.

Trường được đánh giá đạt Mức 3 khi tất cả các tiêu chí Mức 1, Mức 2 và Mức 3 đều đạt.

Trường được đánh giá đạt Mức 4 khi tất cả các tiêu chí Mức 1, Mức 2, Mức 3 và Mức 4 đều đạt.

*** Ví dụ:**

Phụ lục 5a⁶

Mẫu Phiếu đánh giá tiêu chí

Trường

Nhóm

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn:

Tiêu chí:

Mức 1:

a)

b)

c)

Mức 2:

Mức 3 (nếu có):

1. Mô tả hiện trạng (Tuỳ theo nội hàm của chỉ báo, tiêu chí, có thể mô tả lần lượt từng chỉ báo theo từng mức hoặc theo mục “Mô tả hiện trạng” ở Phụ lục 5b. Mục này có mã minh chứng kèm theo)

Mức 1:

Mức 2:

Mức 3 (nếu có):

2. Điểm mạnh:

3. Điểm yếu:

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

5. Tự đánh giá:

⁶ Công văn số 5932/2018/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a					
b					
c					
Đạt/Không đạt		Đạt/Không đạt		Đạt/Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức/Không đạt

Xác nhận
của trưởng nhóm công tác

....., ngày tháng năm 20

Người viết
(Kí và ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

– Trường hợp tiêu chí không ghi cụ thể chỉ báo a/b/c (tại mức đánh giá 2 hoặc 3), đề nghị đánh dấu sao (*) vào ô chỉ báo và ghi kết quả đánh giá Đạt/Không đạt.

– Đối với các ô không có chỉ báo: đánh dấu gạch ngang.

Ví dụ 1: *Tiêu chí 2.1*

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	*	–
c	Đạt	–	–	–	–
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Xác nhận
của trưởng nhóm công tác

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Người viết
(Kí và ghi rõ họ tên)

Ví dụ 2: Tiêu chí 2.2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	–	–
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Xác nhận
của trưởng nhóm công tác

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Người viết
(Kí và ghi rõ họ tên)

Ví dụ 3: Tiêu chí 1.2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	–	–
b	Đạt	–	–	–	–
c	Đạt	–	–	–	–
Đạt		Đạt		–	

Kết quả: Đạt Mức 2 (Trong trường hợp tất cả các tiêu chí đều đạt ở Mức 3 thì tiêu chí này được xem là đạt Mức 3)

Xác nhận
của trưởng nhóm công tác

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Người viết
(Kí và ghi rõ họ tên)

Ví dụ 4: Tiêu chí 1.2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Không đạt	–	–
b	Đạt	–	–	–	–
c	Đạt	–	–	–	–
Đạt		Không đạt		–	

Kết quả: Đạt Mức 1

Xác nhận
của trường nhóm công tác

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Người viết
(Kí và ghi rõ họ tên)

Ví dụ 5: Tiêu chí 1.2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	–	–
b	Đạt	–	–	–	–
c	Không đạt	–	–	–	–
Không đạt		Đạt		–	

Kết quả: Không đạt

Xác nhận
của trường nhóm công tác

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Người viết
(Kí và ghi rõ họ tên)